

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**Tập 368****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyên ngữ: Hạnh Chơn****Biên tập: Bình Minh****Thời gian: 09.04.2011****Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện _ Úc Châu**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 441, hàng thứ sáu từ dưới đếm lên. Bắt đầu xem từ “Phật Pháp Tăng thanh”.

“Phật Pháp Tăng thanh. Phật Pháp Tăng giả, tam bảo dã. Tiểu bốn viết, văn thị âm giả, tự nhiên giai sanh niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng chi tâm”.

Ở đây Hoàng Niệm Tổ không có chú giải nhưng vẫn phải nói sơ qua Phật Pháp Tăng ba danh tướng này, vì người học Phật đối với nó ngộ nhận quá nhiều. Như thế nào gọi là Phật? Như thế nào gọi là Pháp? Như thế nào gọi là Tăng? Vì sao gọi nó là Tam Bảo? Bảo có thể giúp chúng ta giải quyết rất nhiều vấn đề. Chúng ta có bảo tức là có tài bảo, của cải có thể giải quyết tất cả vấn đề sinh hoạt vật chất của chúng ta, cho nên gọi nó là bảo. Còn Phật pháp có thể giúp chúng ta giải quyết vấn đề luân hồi lục đạo, giúp chúng ta giải quyết vấn đề đoạn phiền não, giúp chúng ta giải quyết luân hồi lục đạo, thậm chí vấn đề của mười pháp giới. Bảo này không phải châu báu thế gian có thể sánh được, cho nên Chư Phật Bồ Tát đối với Tam bảo tán thán không ngớt.

Đầu tiên là Phật, chữ Phật này tiếng phạn gọi là Phật đà da. Người Trung Quốc xưa nay chỉ thích đơn giản vẫn tắt nên thường tỉnh lược bớt âm đuôi. Phật đà da chúng ta chỉ gọi là Phật chỉ dùng một chữ này, ý của nó là giác ngộ. Hay nói cách khác, Phật đà da chính là nói đến giác tánh của chúng ta, người xưa thường gọi là ngộ tánh. Người Ấn độ nói giác tánh, nói rất nhiều, người Trung quốc gọi là ngộ tánh.

Lúc nhỏ đi học ở trường, trong lúc các thầy giáo nói chuyện, chúng ta ở bên cạnh nghe được họ nói với nhau, học sinh đó ngộ tánh rất cao, ý muốn nói rằng họ nghe hiểu bài thầy giảng, thậm chí người này đôi khi còn lãnh hội sâu sắc hơn người kia, đây gọi là ngộ tánh. Trên thực tế ngộ tánh này từ đâu mà có? Trong tự tánh của chúng ta vốn đầy đủ trí huệ bát nhã, trong Phật pháp gọi là Phật tánh. Tự tánh vốn đầy đủ trí huệ bát nhã, chỉ đơn giản gọi phần này là Phật tánh. Nếu nói chung về tự tánh thì thường dùng từ pháp tánh. Nói chung tự tánh là lý thể của tất cả vạn pháp trong biến pháp giới hư không giới. Vạn pháp này từ đâu mà có? Hoàn toàn do tự tánh biến hiện ra nên tự tánh là năng sanh năng hiện.

Khi ngài Huệ Năng khai ngộ nói rằng: “đâu ngờ tự tánh năng sanh vạn pháp.” Chữ “năng” trong câu “năng sanh vạn pháp” này, ngày nay các nhà khoa học gọi là năng lượng, trong đại thừa Phật pháp thường gọi là pháp tánh. Chư vị nên biết pháp tánh và

Phật tánh là cùng một tánh. Pháp tánh là đứng trên toàn diện mà nói, còn Phật tánh chỉ đơn thuần là từ trong pháp tánh, trong bát nhã trí huệ mà nói, thì đều có thể gọi là Phật. Pháp tánh là Phật, giác tánh cũng là Phật, nó là một không phải hai. Tất cả chúng sanh đều có tự tánh, chẳng những có tự tánh mà tất cả chúng sanh đều có giác tánh. Cho nên trong kinh điển đại thừa Đức Phật thường nói: “tất cả chúng sanh vốn là Phật”, tất cả chúng sanh vốn là Phật, lời này nói không hề sai. Tại sao hiện nay chúng ta lại ra nông nổi này? Trong kinh Hoa Nghiêm Đức Phật dạy: “vì vọng tưởng phân biệt chấp trước mà không thể chứng được.” Chúng ta ngày nay biến thành phàm phu, trở thành ngu muội, tạo nghiệp thọ những khổ báo này, điều này rốt cuộc là thế nào? Đều là do ta có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, cho nên tuy có Phật tánh nhưng cũng không thể chứng đắc. Phật tánh của chúng ta có mất đi chăng? Không mất! Chẳng những không mất đi mà nó còn khởi tác dụng, nhưng tác dụng này đã bị méo mó, bị lệch lạc, dùng tà nguy, dùng thiên lệch, chứ không khởi tác dụng chơn chánh. Tác dụng chơn chánh là giác ngộ được các pháp, nghĩa là thông đạt thấu triệt tất cả pháp trong thế xuất thế gian, tác dụng như vậy là đúng. Vì có vọng tưởng phân biệt chấp trước khiến cho tác dụng chơn chánh trở thành méo mó. Méo mó nên Phật dùng danh từ khác để gọi nó, gọi là phiền não, gọi là tập khí. Rất nhiều các bạn đồng học cũng thường thấy trong kinh, trong kinh Đức Phật nói phiền não tức bồ đề, bồ đề chính là giác tánh. Bồ đề và phiền não là một, dùng chánh thì gọi là bồ đề, dùng sai thì gọi là phiền não. Hay nói cách khác quý vị dùng tâm, trong tâm này xen tạp tập khí phiền não, đây gọi là phàm phu.

Phiền não có ba loại lớn là: kiến tư phiền não, trần sa phiền não, vô minh phiền não. Những phiền não này chúng ta đều đã học qua. Trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, thực tế mà nói thì không phải bồ đề làm chủ. Nếu bồ đề làm chủ thì không gọi là phàm phu mà gọi quý vị là Phật Bồ Tát dùng chơn tâm. Chúng ta hiện nay là vọng tưởng phân biệt chấp trước làm chủ, đây gọi là phàm phu, cho nên cách xưng hô giữa thánh và phàm do đây mà có. Phật Bồ Tát giác mà không mê, phàm phu chúng ta mê mà không giác. Mê ngộ không phải là hai, nó một thể nhưng khởi hai tác dụng, tác dụng của giác và tác dụng của mê. Phật là đại giác viên mãn, Bồ Tát tuy giác ngộ nhưng chưa viên mãn cho nên gọi là Phật bảo. Ý nghĩa thật sự của Phật bảo chúng ta cần nên biết đó là giác tánh của chính mình. Phật bảo gọi là tự tánh Phật cũng chính là tự tánh giác. Vào cửa Phật điều đầu tiên là thầy đem điều này truyền cho chúng ta. Đây là cương lĩnh chung, mục tiêu chung và phương hướng chung của việc tu học Phật pháp. Vì sao học Phật? Học Phật chính là phục hồi tự tánh. Tự tánh giác là Phật bảo. Tự tánh chánh là Pháp bảo. Tự tánh tịnh là Tăng bảo. Không phải ở bên ngoài, bên ngoài là giả không phải thật. Nhân thật sự là tự tánh Tam bảo.

Pháp là đại danh từ chung. Tự tánh sở hiện như ngài Huệ Năng đại sư nói là năng sanh vạn pháp, “đâu ngờ tự tánh năng sanh vạn pháp.”

Muôn sự muôn vật trong vũ trụ, trong kinh điển đại thừa thường dùng sáu chữ nhưng nó đã bao hàm hết thảy. Thứ nhất là tánh, nghĩa là tự tánh. Thứ hai là tướng, tướng có thể sanh ra vạn pháp. Trong vạn pháp có sự lý nhân quả, cho nên tánh tướng sự lý nhân quả,

nó bao hàm hết biến pháp giới hư không giới. Dùng một danh từ để tượng trưng đó chính là “Pháp”. Cho nên “Pháp” là đại danh từ chung.

Trong Tam bảo đều nói tự tánh. Pháp là tự tánh chánh_chánh tri chánh kiến. Đối với tất cả pháp hoàn toàn có thể lý giải rõ ràng thấu triệt, không có sai lầm, không thiên lệch tà nguy, gọi là chánh tri chánh kiến, đây gọi là Pháp bảo. Nếu nói đã mê, mê thì tri kiến chúng ta không chánh, biến thành tà tri tà kiến, như vậy là sai.

Thứ ba là Tăng. Tăng có nghĩa là hoà hợp, là hài hoà, là hoà đồng, nó có nghĩa là như vậy. Thanh tịnh tức là hoà hợp, như vậy thì tự nhiên hoà hợp. Phiền não tập khí đều không có, tâm thanh tịnh liền hiện tiền. Trên đề của kinh này, thanh tịnh là Tăng, bình đẳng là Pháp, giác tức là Phật. Cho nên trên đề kinh có đầy đủ Tam bảo. Thanh tịnh bình đẳng giác chính là Tam bảo Phật Pháp Tăng. Trong tự tánh mỗi chúng ta vốn đầy đủ tam bảo, nhưng hiện nay bị mê, hoàn toàn mê. Học Phật không có gì khác ngoài mục đích giúp chúng ta phá mê khai ngộ, tìm lại tam bảo. Công đức của Tam bảo vô lượng vô biên. Sau khi tìm được rồi thật sự hạnh phúc viên mãn, được đại tự tại.

Tăng là thanh tịnh, tịnh mà không nhiễm. Nhiễm ô chính là phiền não. Nhiễm ô từ đâu sanh khởi? Quan niệm sai lầm đầu tiên chính là chấp trước cái gọi là ta, là ngã kiến trong Mạt na thức. Kiến chính là khái niệm sai lầm_hữu ngã, vấn đề này về sau có đề cập đến. Hữu ngã nên nó cùng khởi lên với ngã_ngã tham. Trong Mạt na thức của tướng tông gọi là ngã ái, ngã ái chính là tham_ngã tham, ngã mạn chính là sân nhuế, ngạo mạn, ngã si, quý vị xem tham sân si, tam độc phiền não này do ngã mà sanh khởi, tam độc phiền não này là nguồn gốc tất bệnh sanh tử của tất cả chúng sanh. Nếu đoạn tận được tam độc này thì chẳng những không có bệnh mà sanh tử cũng không còn. Nhưng điều kiện tiên quyết là nếu muốn không có tham sân si, thì phải vô ngã mới có thể đạt được. Chỉ cần hữu ngã nhất định có tham sân si, phiền phức là đây vì nó sanh ra từ bản ngã.

Mở đầu của Kinh Kim Cang đức Phật đã nói lời thật: “vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng”. Nếu muốn tìm bản ngã sẽ không thể tìm được. Ta ở đâu? Tìm không ra ta nên thật sự cần phải tu quán. Trên thân này của chúng ta quý vị nói cái đầu là tôi, như vậy tay chân không phải là tôi, tôi chỉ có một, không thể có nhiều. Tương lai thành Phật cũng chỉ có thể thành một vị Phật, không thể thành nhiều Phật, đầu thành một vị Phật, chân cũng thành một vị Phật, tay cũng thành một vị Phật. Quý vị thành nhiều Phật như vậy chăng? Không có điều đó. Chúng ta chỉ có thể thành một vị Phật nên ở trên thân thể này, đầu, mắt, não, tuỷ, lục phủ ngũ tạng đều không tìm thấy, như vậy thì làm gì có cái ta? Ta ở đâu?

Tiêu thừa dùng phương pháp này, tìm tới tìm lui mới biết thật sự không có ngã nên họ đã chấp nhận, nên họ liền có thể phá trừ được thân kiến, nghĩa là không còn chấp trước thân này là ta. Thân này tìm không thấy ta, phá được thân kiến thì chứng quả Tu đà hoàn, nhập vào dòng thánh. Tuy chưa ra khỏi luân hồi lục đạo nhưng vĩnh viễn không đọa vào ba đường ác. Cõi trời hay cõi người họ còn phải bảy lần đi về nữa mới chứng quả A la hán, vượt ra khỏi luân hồi lục đạo. Cho nên cửa ải tu hành đầu tiên này khó phá nhất, phá được cửa này thì về sau sẽ dễ dàng hơn rất nhiều. Cửa ải đầu tiên là phá ngã kiến, đoạn tận được ngã kiến. Phá ngã kiến tiếp đến tham sân si đều đoạn tận, đó chính là chuyển Mạt na thức thành bình đẳng tánh trí đến khi đó sẽ phát hiện có chân ngã.

Chân ngã là gì? Chân ngã nghĩa là muôn sự muôn vật trong biến pháp giới hư không giới đều là ta. Vũ trụ vạn hữu với ta hợp thành một thể. Danh từ trong kinh điển đại thừa gọi là pháp thân, đã chứng được pháp thân. Chứng được pháp thân chính là pháp thân Bồ Tát. Pháp thân Bồ Tát đã tìm được ta. Pháp tánh là ta là thể của ta. Pháp tướng là ta là hình tướng của ta. Đã chứng được tam đức, nghĩa là đã tìm thấy Pháp thân- Bát nhã- giải thoát. Bát nhã là giải thoát, tự tánh vốn là giác, giải thoát ở đây là khởi tác dụng, được đại tự tại. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói bốn loại vô ngại là: lý vô ngại, sự vô ngại, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại, thật sự giải thoát. Quý vị xem thể của ta, tướng của ta, tác dụng của ta. Đã tìm được chân ngã. Tự tánh là thể, bát nhã là tướng, giải thoát là dụng. Có chân ngã, quý vị nên biết về chân ngã, chứ không nên biết về giả ngã. Thiên tông nói về chân ngã “bản lai diện mục khi cha mẹ chưa sanh”, đó chính là chân ngã. Bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh là pháp tánh là pháp thân.

Học Phật bài học đầu tiên thầy truyền cho chúng ta là quy y Tam bảo. Chính là đem mục tiêu sau cùng của Phật pháp truyền trao cho chúng ta. Học Phật là học điều gì? Là học Phật Pháp Tăng. Phật Pháp Tăng là tiếng Ấn Độ, dịch thành chữ Hán có nghĩa là Giác Chánh Tịnh, nghĩa là học thanh tịnh bình đẳng giác trên đề kinh này. Thanh tịnh là Tăng, bình đẳng là Pháp, giác là Phật, không phải tu gì khác. Như vậy quý vị đã chứng được thanh tịnh bình đẳng giác viên mãn rồi. Chúc mừng quý vị, quý vị đã thành Phật. Siêng năng tu học, đích thực đã ngộ nhập cảnh giới nhưng chưa viên mãn, đây gọi là Bồ Tát.

Nên biết rằng Phật Pháp Tăng không phải là mê tín, đây là đại học vấn. Tam bảo hoàn toàn nói về tự tánh. Tự tánh giác, tự tánh chánh, tự tánh thanh tịnh. Đến thế giới tây phương Cực Lạc nghe những âm thanh này. Âm ở đây có nghĩa gì? Âm thanh thuyết pháp của Phật ở thế giới tây phương Cực Lạc, âm thanh phát ra khi gió thổi động vào cây cỏ hoa lá, âm thanh nước chảy. Nhĩ căn nghe được tất cả âm thanh đều sanh tâm niệm Phật niệm pháp niệm tăng. Câu này quý vị nên hiểu niệm Phật là tâm đã giác ngộ, niệm pháp là tâm chánh, niệm tăng là tâm thanh tịnh. Ở thế giới tây phương Cực Lạc nhĩ căn tiếp xúc với tất cả âm thanh đều có thể giúp chúng ta trở về với chánh giác tịnh. Nghĩa của Phật Pháp Tăng là như thế.

Chúng ta ở thế gian này cũng rất muốn thanh tịnh, muốn bình đẳng, muốn giác ngộ nhưng vẫn cứ là mê hoặc điên đảo. Mê mà không giác, tà mà không chánh, nhiễm mà không tịnh. Chúng ta ngày nay đối với Tam bảo hoàn toàn thay đổi 180 độ. Chúng ta là

mê, là tà, là nhiễm. Mê tà nhiễm mới tạo nghiệp, tạo vô lượng vô biên tội nghiệp nên chiêu cảm lấy khổ báo. Ngày nay xã hội đại loạn, địa cầu thiên tai dị thường. Nhân tâm hoảng hốt không biết bắt đầu từ đâu, đây là do mê tà nhiễm gây nên. Con người nếu có thể thay đổi thái độ, từ mê tà nhiễm trở về với chánh giác tịnh, như vậy thì trật tự xã hội được khôi phục, thiên tai của địa cầu cũng tự nhiên được hoá giải, đây là thật không phải giả.

Đức Thế Tôn thường nói tắt cả pháp từ tâm tưởng sanh. Tất cả hiện tượng trong biến pháp giới hư không giới đều do tâm hiện thức biến. Trong kinh điển đại thừa nói một cách rõ ràng minh bạch rằng: mỗi người đều là Phật, đều là Bồ Tát, nghĩa là hồi đầu!

Kể đến là “Ba la mật”. Trong kinh văn nói: *“hoặc văn Phật pháp tăng thanh, ba la mật thanh”*. Ba la mật là tiếng phạn dịch là đáo bỉ ngạn, cũng dịch là độ vô cực. Đơn giản là dùng một chữ độ, hoặc là sự cứu cánh. Sự cứu cánh viên mãn nên gọi là đáo bỉ ngạn. Đáo bỉ ngạn là tiếng Ấn độ, người Trung quốc không gọi là đáo bỉ ngạn. Người Trung quốc gọi là đến nơi đến chốn, là công phu rất rốt ráo, nghĩa là viên mãn. Bất luận làm điều gì cũng làm một cách viên mãn. Ví dụ như nấu cơm nấu đến mức tốt nhất, như vậy là bản lĩnh nấu cơm của chúng ta đã đến nơi đến chốn. Bất luận làm việc gì, việc làm đó làm rất tốt, rất viên mãn, thì người Ấn độ đều gọi là ba la mật.

Văn chương viết rất hay, công phu văn chương của quý vị rất tuyệt nên đây là một thuật ngữ rất bình thường. Trong Phật pháp gọi là đáo bỉ ngạn. Bỉ ngạn là đại niết bàn. Ngạn là sanh tử trong luân hồi lục đạo. Làm thế nào có thể từ nơi sanh tử của bờ này, độ đến bất sanh bất tử của bờ kia. Bỉ ngạn bất sanh bất tử, thử ngạn là sanh tử. Điều này không giống với ý nghĩa thông thường.

Độ vô cực, vô cực nghĩa là bỉ ngạn. Độ có nghĩa là đến, cho nên độ vô cực và đáo bỉ ngạn có nghĩa tương thông. Vô cực có nghĩa là cứu cánh, cũng có nghĩa là viên mãn, nói đơn giản là độ. Ý nghĩa của sự cứu cánh mọi người đều đã hiểu, bất luận là việc gì đều làm đến cứu cánh viên mãn, gọi là ba la mật.

“Dĩ Bồ Tát chi đại hạnh, năng cứu cánh nhất thiết tự hành dữ hoá tha chi sự, cố danh sự cứu cánh”

Trong kinh điển đại thừa, sự cứu cánh là chỉ cho Bồ Tát. Sự của Bồ Tát là tự độ và hoá độ chúng sanh, cả hai điều này đều làm đến viên mãn, nên gọi là ba la mật. Có tiêu chuẩn chăng? Có. Trong đại thừa giáo, thật sự có thể triệt để buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là tự độ viên mãn. Khi tự độ viên mãn rồi, thì độ tha cũng đồng thời viên mãn. Cho nên trong kinh Phật nói, tự mình chưa độ, mà muốn độ chúng sanh, Đức Phật nói “vô hữu thị xứ”, nghĩa là không có đạo lý này. Nhất định phải tự độ viên mãn, sau đó mới có thể độ chúng sanh. Mức độ thấp nhất là có thể chứng được pháp thân, mới có thể độ chúng sanh. Nếu không thể chứng pháp thân, cũng không thể độ chúng sanh. Nếu nói độ chúng sanh là giả không phải thật, không có đạo lý này.

Pháp thân Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm là viên giáo sơ trú Bồ Tát mới tự độ. Vì sao vậy? Vì đã phá vô minh, vô minh chính là vọng tưởng. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói

là vọng tưởng phân biệt chấp trước. Trong tất cả kinh giáo đại thừa đều nói như thế, vô minh phiền não là vọng tưởng, trần sa phiền não là phân biệt, kiến tư phiền não là chấp trước. Đại thừa nói đoạn tận ba loại phiền não này, trong Kinh Hoa Nghiêm nói buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước sẽ vượt ra khỏi mười pháp giới. Quý vị nên biết mười pháp giới là giả, không phải thật. “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng: là nói về mười pháp giới. Đoạn tận ba loại phiền não là thoát ly mười pháp giới, sanh đến cõi thật báo trang nghiêm. Cõi thật báo là thật, gọi là nhất chân pháp giới. Hạng người nào ở nhất chân pháp giới? 41 vị pháp thân đại sĩ gồm có: thập trú Bồ Tát, thập hạnh Bồ Tát, thập hồi hướng Bồ Tát, thập địa Bồ Tát, đây là 40 vị, ở trên một vị nữa là đẳng giác. 41 vị Bồ Tát này ở cõi thật báo, thân của họ được gọi là báo thân, nơi họ ở gọi là cõi báo. Chỉ có tâm hiện không có thức biến nên thế giới đó không có biến hoá, con người không có biến hoá. Thọ mạng con người được bao nhiêu? Trong kinh Đức Phật nói họ đã đoạn vô minh nhưng tập khí vô thi vô minh chưa đoạn nên thế giới đó là do tập khí vô thi vô minh thành tựu, sự thật chính là như vậy. Đoạn tận tập khí vô thi vô minh thì thế giới này không còn nữa. Trong kinh Bát Nhã nói rất hay: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng.” Tướng của nhất chân pháp giới cũng là hư vọng, có tập khí vô thi vô minh tồn tại thì thấy có, tập khí vô thi vô minh không tồn tại thì không có nó, không có là vô thi vô minh đã đoạn tận, tập khí đã đoạn tận, chính là diệu giác Như Lai. Diệu giác trú ở đâu? Diệu giác trú ở thường tịch quang, từ cõi thật báo trang nghiêm chuyển đến thường tịch quang, nó chính là ý này. Thường tịch quang là thuần chân không vọng, đại giác viên mãn, thuần tịnh thuần thiện.

Cõi báo là vì nhất chân, không có phân biệt, không có chấp trước, không có hai thứ này là không có biến hoá. 41 vị Bồ Tát này từ sơ trú đến đẳng giác cần bao nhiêu thời gian để đoạn tận tập khí vô thi vô minh? Ba đại a tăng kỳ kiếp, đây là thọ mạng của Bồ Tát ở cõi thật báo, vô lượng thọ. Chúng ta gọi là vô lượng thọ. Vô lượng này là vô lượng đối với hữu lượng, không phải vô lượng thật, nhưng có thể gọi nó là vô lượng thật, Vì sao vậy? Tiếp sau nó là diệu giác, là thường tịch quang, thường tịch quang thật sự là vô lượng, nó không phải là vô lượng đối với hữu lượng. Cõi thật báo ba đại a tăng kỳ kiếp, thời gian dài như vậy nhưng con người trẻ mãi, không có thay đổi, không có suy yếu, không có già nên gọi là nhất chân.

Trong mười pháp giới có sanh lão bệnh tử nhưng ở đó không có. Thế giới Cực Lạc của Phật Di Đà rất vi diệu. Vi diệu chỗ nào? Vi diệu không phải ở cõi báo, vì cõi báo và cõi báo của mười phương chư Phật Như Lai không phải hai, nó là tương đồng. Vi diệu ở chỗ cõi phàm thánh đồng cư và cõi phương tiện hữu dư, nghĩa là mười pháp giới, vi diệu ở chỗ này. Vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, ở cõi phàm thánh đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh, nhưng ở thế giới Cực Lạc được sự đãi ngộ ngang bằng như pháp thân Bồ Tát ở cõi thật báo. Điều này quá vi diệu, ở mười phương thế giới không có. Cũng có nghĩa là Bồ Tát cõi phàm thánh đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh, thân thông đạo lực trí huệ đức năng của họ giống như pháp thân Bồ Tát. Không phải họ tu được, không phải họ chứng được, mà là nguyện lực không thể nghĩ bàn và oai thần bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì cho họ. Tuyệt diệu ở chỗ này, thù thắng ở chỗ này. Cho nên thế giới Cực Lạc là thế giới bình đẳng, cõi thật báo, cõi phương tiện và cõi đồng cư là bình đẳng. Điều này trong quốc

độ của mười phương Chư Phật không tìm thấy. Chư Phật Như Lai tán thán đối với thế giới Cực Lạc, tán thán đối với Phật A Di Đà chính là việc này. Bình đẳng thành Phật.

Ở dưới Hoàng Niệm Tổ giải thích. “*Thừa thừa đại hạnh, năng do sanh tử chi thừa ngạn, đảo niết bàn chi bỉ ngạn, cố danh đảo bỉ ngạn. Nhân thừa đại hạnh năng độ chư pháp chi quảng viễn, cố danh độ vô cực*”. Đây hoàn toàn là chư vị cổ đức giải thích cho chúng ta. “*Chỉ tức, chỉ giả, đình chỉ chi nghĩa, trú chỉ ư đế lý bất động*”. Ngày nay chúng ta thường gọi đế lý là chân lý, nghĩa của nó tương đồng với chân lý, thật không phải giả. Trong Tứ Thư Đại Học nói “*chỉ ư chí thiện*”, “*chỉ ư đế lý*” và “*chỉ ư chí thiện*” ý nghĩa tương đồng. Cho nên khi Phật pháp truyền vào Trung quốc nó đã dung hợp thành một thể với văn hoá Trung quốc. Đích thực Phật pháp đã làm đậm đà thêm giá trị nền văn hoá truyền thống bản địa. Như câu “*chỉ ư chí thiện*”, “*chí thiện*” ví như “*đế lý*”, như thế là được nâng cao lên rất nhiều. Đế lý là thiện đến tột cùng, thật sự là chí thiện viên mãn. Ai chứng được? Quả vị Diệu giác chứng được, như như bất động. Câu này có rất nhiều nghĩa, như chúng đi học vậy, tiểu học tốt nghiệp là tiểu học đã đạt được chí thiện. Tốt nghiệp trung học là trung học đã chí thiện. Tốt nghiệp đại học là đại học đã được chí thiện đều là “*chỉ ư chí thiện*”. Cảnh giới cạn sâu rộng hẹp không giống nhau.

Tiêu thừa tứ quả A la hán đã đạt được chỉ ư chí thiện. Đại thừa Bồ Tát đến đẳng giác là chỉ ư chí thiện. Nếu phân ra mà nói thì đệ thập trú trong thập trú Bồ Tát là chỉ ư chí thiện, đệ thập hạnh là chỉ ư chí thiện, đệ thập hồi hương cũng là chỉ ư chí thiện, đệ thập địa cũng là chỉ ư chí thiện. Một giai đoạn đạt đến chỗ cao nhất, viên mãn nhất gọi là chỉ ư chí thiện.

Đứng về pháp môn niệm Phật mà nói, nếu công phu niệm Phật niệm đến chỗ công phu thành phiên thì đây là chỉ ư chí thiện. Cao hơn nữa là niệm đến sự nhất tâm bất loạn_chỉ ư chí thiện. Niệm đến lý nhất tâm bất loạn cũng là chỉ ư chí thiện. Phạm vi vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc không giống nhau. Chúng ta cần phải nỗ lực không nên giải đãi, phải làm cho cảnh giới tu tập của ta ngày càng lên cao. Muốn nâng cao cảnh giới không có gì khác, chỉ cần buông bỏ vạn duyên. Ngày nay chúng ta sinh tồn trong xã hội này, trên địa cầu này gặp một cuộc cách mạng lớn của thời đại. Thời này đối với người tu hành mà nói, nghĩa là xem chúng ta vận dụng như thế nào? Nếu vận dụng chánh đáng là việc tốt, dùng bất chánh là việc xấu. Phải dùng như thế nào? Tâm phải chánh, như vậy chúng ta sẽ làm đúng là việc tốt. Ở trong đại thiên tai này có thể vãng sanh thế giới Cực lạc, sao không phải là việc tốt? Dùng bất chánh, trong lòng sẽ sợ hãi bất an, phiền phức này nhất định đưa chúng ta vào ba đường ác, đó chính là việc xấu. Là việc tốt hay việc xấu đều không phải ở bên ngoài, mà do việc dụng tâm của chính mình.

Rất nhiều tin tức về thiên tai trên nhiều phương diện. Có bạn đồng học nói với tôi tin tức này trên mạng rất nhiều, chúng ta có cần xem nó chẳng? Không cần thiết. Vì sao vậy? Xem nó cũng vô dụng, không có lợi ích gì. Biết được nhiều như vậy thì phiền não càng nhiều, tâm không thể định được. Tất cả đều không xem không nghe không hiểu. Làm sao để hoá giải và đối phó những thiên tai này? Chính là một câu tổng nguyên tắc chung, dạy chúng ta đoạn ác tu thiện, cải tà quy chánh. Giữ tâm tốt, nói lời hay, hành việc thiện và

làm người tốt là được. Chúng ta còn có thọ mạng, chắc là chưa ra đi lúc này. Sau khi thiên tai qua đi, chúng ta vẫn còn lưu lại. Nếu số mệnh là như thế thì có cộng nghiệp sẽ ra đi trong thiên tai cùng với một số người khác. Tuy đi cùng một lần nhưng mỗi người đến một nơi khác nhau, tôi đến thế giới Cực Lạc, là việc rất tốt. Cho nên bất cứ thiên tai nào cũng không kinh không sợ, tâm luôn an định, lấy bất biến ứng vạn biến. Đầu óc bình tĩnh, niệm rớt ráo một câu Phật hiệu, để Phật A Di Đà trong tâm. Thường nghĩ rằng tâm ta tức Phật A Di Đà, Phật A Di Đà tức là tâm ta, như vậy mỗi câu Phật hiệu đều có cảm ứng đạo giao với Phật A Di Đà. “Nhất niệm tương ưng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật”, như vậy làm gì có lý không vãng sanh!

Sanh đến thế giới Cực Lạc thì tất cả đều viên mãn, cho nên đây là việc tốt. Nhắc nhở chúng ta, khuyến khích chúng ta, đốc thúc chúng ta buông bỏ vạn duyên, nhất tâm hướng đạo. Nhất tâm hướng đạo chính là nhất tâm niệm Phật. Tuân thủ phương pháp niệm Phật mà Bồ Tát Đại Thế Chí dạy cho chúng ta, “đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”. đô nhiếp lục căn là thu lục căn từ cảnh giới bên ngoài trở về, thu hồi nhãn căn từ sắc, nhĩ căn từ âm thanh, lục căn duyên với sáu trần bên ngoài. Phải duyên bên trong, bên trong là gì? Bên trong là tự tánh. Ở mắt là tánh thấy, ở tai là tánh nghe. Bồ Tát Quán Thế Âm dùng phương pháp này, “phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo”. Bồ Tát Quán Thế Âm thành Phật như thế nào? Là ngài tu phương pháp này mà thành Phật. “Đô nhiếp lục căn” chính là “phản văn văn tự tánh”. Nhãn phản quán, quán tự tánh tức là minh tâm kiến tánh. Tịnh niệm tương tục là dùng tâm thanh tịnh niệm Phật, không hoài nghi, không xen tạp. Hai câu này nói thì dễ nhưng làm rất rất khó. Niệm Phật chưa đến một cây hương mà trong đó có rất nhiều vọng niệm xen tạp, khiến công phu niệm Phật bị phá hoại. Điều này không nên nôn nóng, càng nôn nói càng hỏng việc. Đó là gì? Từ đây quý vị có thể nhận ra rằng, tâm của mình tán loạn biết bao.

Bình thường ta không phát giác được, đến khi niệm Phật liền phát hiện ra điều này, tại sao tâm lại loạn như vậy, sao vọng tưởng lại nhiều như vậy? Bây giờ mới phát hiện. Lúc này nên làm thế nào? Đừng lý tới nói, mặc kệ nó. Tâm chú ý vào danh hiệu Phật, không quan tâm đến tạp niệm. Lâu ngày vọng niệm sẽ ít đi, ngày càng ít, như vậy sẽ chứng minh công phu của quý vị ngày càng tiến bộ. Nỗ lực niệm hy vọng có thể trong một năm tạp niệm giảm ít đến mức độ thấp nhất. Niệm Phật một tiếng có khoảng một hai tạp niệm, được, không thể có quá nhiều. Hai tiếng đồng hồ có năm ba tạp niệm cũng được, như vậy công phu cũng không tệ. Tạp niệm từ đâu mà có? Đều từ tự tư tự lợi mà có, cho nên bình thường dùng tâm, tâm lượng phải mở rộng, không nên chỉ nghĩ đến mình, nghĩ nhiều đến thế giới Cực Lạc, “nhớ Phật niệm Phật hiện tiền tương lai nhất định thấy Phật”, đây là việc tốt.

Nên nghĩ nhiều đến thế giới Cực Lạc, nghĩ nhiều đến Phật A Di Đà, cũng có thể nghĩ nhiều đến những chúng sanh khổ nạn. Thấy chúng sanh chịu khổ chịu nạn như vậy tâm từ bi liền sanh khởi. Tự mình nhất định nên biết, hiện nay chúng ta không có năng lực giúp họ, chỉ còn cách mau về thế giới tây phương Cực Lạc. Ở thế giới Cực Lạc đã thành tựu, tự mình có hỷ tuệ, có năng lực, có thần thông rồi, thì lên thuyền từ trở lại độ những chúng

sanh đau khổ này vẫn còn kịp, điều này không thể không biết, cho nên tâm phải dừng lại ở chân lý, cũng có thể nói tâm trú nơi chân lý bất động.

“*Tức giả*” là nghĩ. “*Chỉ Quán Tam viết*”, tam là quyển thứ ba. “*Tức nghĩa giả, chư ác giác quán, vọng niệm tư tưởng, tịch nhiên hựu tức*”. Thực tế nói chính là buông bỏ, buông bỏ hết tất cả những ý niệm bất thiện. Buông bỏ vọng niệm, buông bỏ tư tưởng tâm sẽ định gọi là tịch nhiên hựu tức. Bình thường thật sự cần phải nỗ lực, vọng niệm ít thì thân tâm mạnh khoẻ. Thân tâm chúng ta không tốt chính là vọng niệm quá nhiều. Vọng niệm ít thì ăn uống cũng giảm ít. Lúc Đức Thế Tôn còn tại thế ngài biểu diễn cho chúng ta thấy trong suốt 49 năm thị hiện ngày ăn một bữa. Ấm thực là bổ sung năng lượng, ngày ăn một bữa có đủ chăng? Đủ. Ngày ăn một bữa ăn nhưng cũng ăn không nhiều. Vì sao đủ? Vì ngài ít tiêu hao năng lượng.

Năng lượng chúng ta hầu như là 90 phần trăm tiêu hao vào vọng niệm. Vọng niệm càng ít thì tiêu hao năng lượng càng ít. A la hán tâm thanh tịnh, một tuần đi khát thực một lần, cũng có nghĩa là một tuần ăn một bữa cơm. Công phu của Bích Chi Phật cao hơn A la hán. A la hán đã đoạn tận kiến tư phiền não nhưng tập khí chưa đoạn. Bích Chi Phật đã đoạn hết tập khí kiến tư phiền não. Bích Chi Phật nửa tháng đi khát thực một lần nửa tháng ăn một bữa cơm, bổ sung một lần họ có thể dùng nửa tháng. Điều này nói lên rằng, tâm càng thanh tịnh thì vọng niệm càng ít, năng lượng bổ sung càng ít. Ngày ngày ăn cơm không phải là việc tốt, mỗi ngày ba bữa, còn muốn ăn khuya, ăn điếm tâm. Một ngày từ sáng đến tối đều bận rộn cho việc ăn uống, quý vị nghĩ xem như vậy thì vất vả biết bao, ăn đến nổi thân mang một thân bệnh. Ấm thực giảm ít không phải vì điều gì khác, có thể khiến năng lượng tiêu hao đến mức độ thấp nhất nên thân tâm mạnh khoẻ, tinh thần sung mãn. Điều này không phải nói tùy tiện đâu.

Ngày xưa khi tôi còn trẻ, theo học kinh giáo với thầy Lý. Tôi theo thầy mười năm từ năm 33 đến 43 tuổi, mười năm. Thầy Lý tuy là cư sĩ tại gia nhưng ngày ăn một và ăn rất ít, tôi đã từng nói với chư vị lượng công việc của thầy bằng lượng công việc của năm người bình thường, cho nên tôi mới biết điều này với lao tâm lao lực hoàn toàn không liên quan. Lao tâm lao lực tiêu hao năng lượng rất nhiều, tiêu hao năng lượng nhiều nhất là suy nghĩ lung tung. Suy nghĩ lung tung bị tiêu hao nhiều nhất. Cho nên ẩm thực có thể giảm ít cũng chứng minh rằng tâm chúng ta thanh tịnh. Năng lượng chúng ta duy trì rất tốt, không lãng phí.

Bên dưới nói, “*cố tức giả, tức chư vọng niệm dã*”, buông bỏ vọng niệm là tức. “*Thử tỳu sở quán nhi đắc danh, cố chỉ tức tức chỉ quán. Hựu Chỉ Quán Tam viết, pháp tánh tịch nhiên viết chỉ, tịch nhi thường chiếu viết quán*”. Đây thuộc về tự tánh, là bản năng của tự tánh. Pháp tánh chính là tự tánh cũng chính là bản tánh. Bản tánh vốn tịch nhiên tự tánh chỉ. Quý vị xem khi ngài Huệ Năng khai ngộ đã nói: “đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh, vốn không sanh diệt.” Tất cả đều thuộc về tịch nhiên, đều thuộc về “chỉ”. “Vốn tự đầy đủ”, đầy đủ là chiếu theo bản năng. “Vốn không dao động” là thuộc về chỉ, “năng sanh vạn pháp” thuộc về quán. Trong năm câu ngài nói hai câu thuộc về “quán”, ba câu

thuộc về “chỉ”, đây là tự tánh. Chúng ta nói nhìn thấu, buông bỏ. Buông bỏ chính là “chỉ”, nhìn thấu suốt là “quán”.

“*Hựu vô minh tức minh, bất phục lưu động, cố danh vi chỉ*”. Thế nào gọi là “vô minh tức minh”? Vô minh chỉ cần bất động thì đó chính là minh, động thì gọi là vô minh. Trong kinh Phật thường dùng nước để làm ví dụ. Nước nếu nhiễm ô thì nước này không sạch sẽ, nó bị nhiễm ô. Có gió thổi liền dậy sóng, đây gọi là động. Nếu nước sạch, không có ô nhiễm, cũng không có gió, mặt nước bình lặng như gương, thì nước ở đây chính là “chỉ” gọi là “chỉ thủy”. Nó giống như mặt gương vậy. Cảnh giới bên ngoài đều chiếu vào đó một cách rõ ràng, đây gọi là “quán”.

“*Lãng nhiên đại giác*”, gọi là đại tịnh cũng được, “*hồ chi vi quán*”, nó có thể khởi tác dụng quán chiếu. “*Hựu Chỉ Quán Bồ Hành viết*”, đây là thời khóa tu học quan trọng của Tông Thiên Thai. “*Trung đạo tức pháp giới, pháp giới tức chỉ quán, chỉ quán bất nhị, cảnh trí minh nhất*”. Ý nghĩa này rất sâu sắc. Trung đạo, trung đạo là gì? Trung quán chính là pháp giới, đúng vậy. Pháp giới chính là tất cả pháp. Trong tất cả pháp chúng ta dùng chân tâm để đối đãi, trong chân tâm không có vọng tưởng, không có phân biệt, không có chấp trước, nhất niệm bất sanh, đây là chân tâm. Nhất niệm bất sanh, thì chỉ và quán đều đầy đủ. Nhất niệm bất sanh là “chỉ”, tác dụng của “chỉ” là chiếu, chính là quán_quán chiếu.

Trong Bát Nhã Tâm Kinh nói: “Bồ Tát Quán Tự Tại hành thâm bát nhã ba la mật đa ngài nhìn thấy năm uẩn đều là không.” Thâm bát nhã ba la mật đa nghĩa là gì? Chính là “chỉ”. Trong kinh điển Đức Thế Tôn thường nói chúng ta phải thường xuyên ôn tập câu này, đừng quên: Chế tâm một chỗ chính là chỉ, nó khởi tác dụng chính là quán. Quán ở đây là gì? Không có gì không làm được. Chúng ta thể hội được sâu sắc về tầm quan trọng trong câu nói này của Đức Thế Tôn, chúng ta làm thế nào để thực hiện? Chúng ta đem tâm dừng ở Phật A Di Đà, được vậy thì thật quá tuyệt vời. Vì sao vậy? Vì dừng tâm ở trên Phật A Di Đà, chẳng những tự tánh chúng ta dùng chánh đáng mà còn được oai thần bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì_được hai loại lợi ích. Dừng ở một nơi là một loại lợi ích, dừng ở Phật A Di Đà thì được Phật A Di Đà gia trì. Đem vô lượng công đức của Phật A Di Đà chuyển thành công đức của chính mình. Điều này ở trước đã nói rất rõ ràng tường tận rồi.

Dừng ở Phật A Di Đà công đức thật không thể nghĩ bàn, chưa đến thế giới tây phương Cực Lạc đã được lợi ích. Tâm con người thế gian vì sao lại rất loạn? Họ cũng chế tâm một chỗ, nhưng họ chế tâm ở chỗ nào? Ở danh lợi, danh lợi là hai nơi. Trong danh lợi có rất nhiều chỗ, trong lợi cũng có rất nhiều chỗ nên tâm họ là tán loạn, họ không phải thật sự chế tâm một chỗ. Tuyệt đại đa số người ở trong thời đại hiện nay đều để tâm vào việc kiếm tiền. Phương pháp kiếm tiền rất nhiều, họ đều nghĩ đến nên tâm rất loạn. Tiền có thể tìm được hay chẳng? Đó là do số của họ, phước báo của họ. Nếu số có thì nhất định có thể kiếm được. Số không có thì cho dù có suy nghĩ bao nhiêu cách cũng không kiếm được, quý vị nghĩ xem có oan uổng chẳng?

Số mạng có, hà tất phải nghĩ đến nó? Đến thời thì tự nhiên nó đến! Đây là thật không phải giả. Số mạng không có thì dù có nghĩ hết biện pháp cũng không kiếm được, đạo lý này không thể không hiểu. Dù sở hữu của cải nhiều cách mấy, địa vị cao cỡ nào, cũng chỉ có thể làm sung túc ngay trong đời này của chúng ta. Quý vị nghĩ mình có thể hưởng thụ được bao nhiêu năm? Sau khi mạng chung cũng không mang theo được điều gì, tất cả đều là giả, để tâm ở chỗ Phật A Di Đà đó mới là thật. Tương lai đến thế giới Cực Lạc trong kinh này nói đều là giới thiệu thế giới tây phương Cực Lạc. Quý vị xem ở đó thù thắng biết bao, viên biết bao mãn, tất cả đều đạt được. Những gì có thể nghĩ ra đều đạt được, những thứ ta không thể ngờ cũng rất nhiều, đến đó mới hiểu được, chưa đến đó thì không biết được. Đức Phật cũng không nói, vì nói ra chúng ta cũng không hiểu được, cho nên vắng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc liền được đại tự tại, được đại viên mãn.

Trong Chỉ Quán nói rất hay, pháp giới chính là chỉ quán, chỉ quán bất nhị là một không phải hai. Thấu triệt gọi là quán, bất động nên gọi là chỉ, nó là một không phải hai. Tâm thanh tịnh là chỉ, tâm thanh tịnh sanh trí huệ đó là quán. Tâm bình đẳng là chỉ, tâm bình đẳng khởi tác dụng là quán. Vô duyên đại từ đồng thể đại bi thì tâm bình đẳng liền sanh khởi.

“Giác, chỉ quán quân đẳng, chỉ quán bất nhị, cảnh trí nhất minh”. Đó là giác mà không mê. “Lãng nhiên đại giác”, tông môn thường nói là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh đó là chỉ và quán không phải hai. “Tịch tịnh, kiến tiền chư căn tịch tịnh chú” điều này không còn lặp lại, nghĩa là thanh tịnh tịch diệt.

“Vô sanh vô diệt giả, niết bàn chi chân lý”. Chân là không phải giả, lý là lý thể. Chân lý liền kết lại ý nghĩa cũng rất rõ ràng. Chân lý không phải giả, vốn không sanh diệt. Ngài Huệ Năng nói: “đâu ngờ tự tánh vốn không sanh diệt”, đây là đại bất niết bàn. Tánh tướng nhất như, lý sự bất nhị. Cảnh giới này ở đâu? Ngay tại đây, xưa nay chưa từng rời xa chúng ta, nhưng chúng ta mê mà không giác, không biết nó. Biết thì quá tốt, biết thì liền thành Phật, thì gọi là chứng quả. Thông tin này Chư Phật Bồ Tát đã nói ra cho chúng ta biết.

Bồ Tát Di Lạc nói một khảy móng tay có 32 ức trăm ngàn niệm. Ở đây muốn nói lên điều gì? Chính là nói chân lý của niết bàn vốn không sanh diệt. Một khảy móng tay có 32 ức trăm ngàn niệm là bao nhiêu? Trăm ngàn là mười vạn, 32 ức nhân cho 10 vạn, có phải là 320 triệu. Một khảy móng tay có 320 triệu ý niệm. Một phần 320 triệu là một khảy móng tay. Dùng suy nghĩ cũng không cách nào tưởng tượng được, cho nên Đức Phật nói vốn không sanh diệt. Sanh diệt này là một trên 320 triệu phần là huyền tướng của cõi thật báo trang nghiêm. Trong tự tánh không có sanh diệt, mà do một niệm bất giác khởi hiện tượng dao động này. Chính là những điều Bồ Tát Di Lạc nói, một khảy móng tay có 320 triệu ý niệm vi tế. Đó là chấn động, là dao động vi tế.

Bồ Tát lại tiếp tục nói “niệm niệm thành hình, hình giai hữu thức”. Mỗi niệm vi tế đều có hình, hình là hiện tượng vật chất. Thức là thọ tướng hành thức, mỗi hiện tượng vật chất đều có thọ tướng hành thức, đây là hiện tượng tinh thần. Tinh thần và vật chất là một

thể, tinh thần có trước sau mới có vật chất, nhưng tốc độ của nó rất nhanh, chúng ta không cách nào có thể thấy được, cũng không cách nào có thể nghĩ được, thật là không thể nghĩ bàn, nghĩ cũng không được, nhưng cho chúng ta một khái niệm tinh thần và vật chất là một không hai.

Bồ Tát Quán Thế Âm nhìn thấy ngũ uẩn đều là không. Quý vị xem trong dao động vi tế đó có sắc thọ tướng hành thức có hiện tượng này, bất khả đắc nên gọi là “ngũ uẩn giai không”. Đây là đơn vị vật chất nhỏ nhất, đơn vị nhỏ nhất không tồn tại, tích lũy thành những hiện tượng này, nó có thể tồn tại chăng? Hình như là tồn tại nhưng trên thực tế không tồn tại. Hình như tồn tại là chúng ta thấy sai, chúng ta mê nên thấy sai. Nếu khi ta thật sự giác ngộ thì sẽ biết được, tồn tại tức là không tồn tại. Thật giống như chúng ta xem hình ảnh các tiết mục trên ti vi. Màn hình của ti vi là tự tánh vốn không sanh diệt. Chúng ta xem những tiết mục này là cảnh tượng ở trong đó, những cảnh tượng này cho chúng ta biết một sự thật, nghĩa là vốn không sanh diệt, quý vị có thể lãnh hội được chăng? Màn hình không sanh không diệt quý vị có thể lãnh hội được, nhưng hình ảnh trên màn hình cũng là không sanh không diệt, quý vị thể hội được chăng? Nó có hiện tượng, thật sự thấy được, không sai. Hiện tượng trên màn hình là sinh diệt đồng thời nên cũng là không sanh không diệt_sanh diệt đồng thời.

Quý vị nói đã sanh đã diệt, rồi lại nói đã diệt nhưng lại sanh, mỗi hiện tượng đều độc lập, không phải tương tục. Tương tục là cùng một tướng không có thay đổi, đó gọi là tương tục. Nó không phải tương tục nên chúng ta gọi nó là tướng tương tợ tương tục, không phải thật. Tuyệt đối tìm không thấy hai hiện tượng tương đồng. Vì sao vậy? Vì năng sanh không giống nhau. Năng sanh là ý niệm, mỗi niệm đều không tương đồng. Năng sanh là ý niệm, sở sanh là hiện tượng. Niệm không giống nhau thì hiện tượng làm sao giống nhau được?

Tướng người chúng ta tức là lấy thân thể này để làm ví dụ. Tôi của ngày hôm qua và tôi của ngày hôm nay nhất định không giống nhau, không phải một cái tôi. Tôi của một giờ trước với tôi hiện tại, không phải một cái tôi. Cùng một đạo lý này, tôi của một phút trước và tôi của một phút sau, không phải một cái tôi. Nói thêm với quý vị đến chỗ cứu cánh thì tôi của niệm trước và tôi của niệm sau, không phải một cái tôi. Quý vị đi đến đâu để tìm cái tôi? Sau đó mới có thể lãnh hội được ý của Bồ Tát Di Lặc, một khảm móng tay có 320 triệu, một trên 320 triệu phần cái tôi và hai trên 320 triệu phần cái tôi, không phải một cái tôi. Như vậy chúng ta mới hoát nhiên đại ngộ, lời Đức Phật nói là vô ngã tướng. Chẳng những không có ngã tướng, mà ngã kiến cũng không có.

Nửa phần trước của bộ Kinh Kim Cang nói phá bốn tướng, nửa phần sau là phá bốn kiến nên bốn kiến cũng không có, như vậy dần dần mới có thể ngộ nhập. “Chỉ quán bát nhị, cảnh trí minh nhất”. Cảnh là cảnh giới, là sở giác. Trí là trí huệ, là năng giác. Chưa có thể chuyển thức thành trí. Giác tánh này là từ trong A lại da sanh ra, đã chuyển thức thành trí, tự tánh như trong kinh đại thừa nói trí tuệ bát nhã. Cảnh giới này vô cùng vi tế, quý vị quán bằng cách nào? Hiện nay chúng ta đối với chân tướng sự thật này có nhận thức sơ bộ, nhưng chúng ta chưa làm được, vì sao vậy? Vì tâm niệm của chúng ta không tinh tế,

gọi là thiếu thận trọng. Không có năng lực để giác sát. Ai có năng lực thấy được? Pháp thân Bồ Tát, Viên giáo sơ trú cấp bậc thấp nhất của pháp thân Bồ Tát, cũng có nghĩa là viên giáo sơ trú đã nhìn thấy.

Chư Phật Bồ Tát trong mười pháp giới giống như chúng ta, chỉ nghe Phật nói nhưng chưa thấy được. Địa vị của họ cao hơn chúng ta, thần thông trí huệ cũng lớn hơn. Nói cách khác họ biết rõ hơn chúng ta, những vấn đề chưa chứng quả, nhất định phải buông bỏ khỏi tâm động niệm họ mới chứng được. Vừa chứng được họ liền vượt ra mười pháp giới, đã thăng cấp sanh đến cõi thật báo trang nghiêm. Chúng ta gọi họ là pháp thân Bồ Tát, pháp thân đại sĩ.

“Nhân Vương Kinh viết, nhất thiết pháp tánh chân thật không, bất lai bất khứ, vô sanh vô diệt”.

Câu này nói rất thật, Đức Thế Tôn tùy theo chân đế mà nói. Chúng ta biết Thế Tôn thuyết pháp y theo nhị đế, đây là nguyên tắc giảng kinh thuyết pháp của ngài, là nhị đế. Chân đế là cảnh giới tự thân ngài chứng được, phàm phu không hiểu. Y tục đế hoặc y thế đế, đó là thường thức mà người thế gian có thể hiểu được, cho nên đức Phật vừa nói là chúng ta hiểu ngay. Đức Phật nói nhân nghĩa đạo đức, điều này chúng ta nghe hiểu được, tùy thuận tục đế. Tùy thuận chân đế chúng ta sẽ không hiểu, đây là thuộc về chân đế của tất cả pháp. Nói tất cả pháp là đứng về tướng mà nói, tất cả pháp tánh là đứng về thể mà nói, tất cả pháp là sở sanh sở hiện, tất cả pháp tánh là năng sanh năng hiện. Năng sanh sở sanh là một không phải hai. Pháp tánh pháp tướng vĩnh viễn không rời nhau, nhưng chúng ta không ở chỗ pháp tướng nhìn thấy pháp tánh, khó là khó ở chỗ này. Vì sao không thấy được pháp tánh? Vì mê! Mê nên có chướng ngại, chướng ngại này gọi là phiền não. Vô minh phiền não là chướng ngại nặng nề nhất. Trần sa phiền não là chướng ngại nặng thứ hai. Kiến tư phiền não là chướng ngại nặng thứ ba. Chúng ta ở chỗ tướng không nhìn thấy tánh, chân tướng của tướng chúng ta cũng không hiểu. Chúng ta nhìn thấy là huyễn tướng, vọng tướng. “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng.” Chúng ta chỉ thấy được tướng này, chứ không thấy được chân tướng.

Trong kinh Nhân Vương nói: “nhất thiết pháp tánh chân thật không”, năng sanh là chân thật không, sở sanh không thể biến thành chân thật hữu. Năng sanh sở sanh là một không phải hai. Tánh đã là không thì tướng làm gì có? Nên kinh điển đại thừa thường gọi tánh là chân không, gọi tướng là diệu hữu. Chư vị tổ sư nói rằng: “chân không bất không, diệu hữu phi hữu.” Các ngài giải thích rất hay. Chân không bất không nghĩa là gì? Là nó có thể sanh ra vạn pháp nên không không phải là vô. Nó thật sự là chân không, nó có thể sanh vạn pháp. Tuy có vạn pháp nhưng vạn pháp này đương thể tức không, liễu bất khả đắc nên vạn pháp này có thể thương thức nó nhưng không thể khống chế nó, bao gồm cả thân tướng chúng ta, thân tướng thân thiết nhất của chính mình. Thân này chúng ta có thể khống chế nó chăng? Không thể. Có thể chiếm hữu nó chăng? Không thể. Nếu có thể khống chế nó, tôi sẽ khiến cho thân thể này không bị già yếu bệnh tật. Không làm được, không thể khống chế được. Ăn cơm phiền phức biết bao, nếu có thể khống chế nó, tôi khiến nó không cần ăn được chăng? Không được, không làm được như thế. Như vậy

chiếm hữu càng không cần nói. Không chế cũng làm không được thì làm sao có thể chiếm hữu? Nên nói không chế, chiếm hữu là vọng tưởng, không phải thật. Vọng tưởng thật sự quá nhiều. Có thể nói chúng sanh trong lục đạo hoàn toàn sống trong cảnh giới vọng tưởng, không có điều gì là chân thật. Biết được tất cả pháp tánh thật sự là không, thì chúng ta sẽ biết được tất cả pháp tướng vô sở hữu, tất cả pháp tướng bất khả đắc, không đến không đi. Đó chính là điều trong kinh Lăng Nghiêm Đức Thế Tôn nói. Điều này rốt cuộc là như thế nào? “Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận”. Quý vị thử nghĩ xem niệm mà Bồ Tát Di Lặc nói có phải là đương xứ xuất sanh tùy xứ diệt tận chăng? Mỗi niệm đều là đương xứ xuất sanh tùy xứ diệt tận, bất khả đắc.

Chúng tôi xem qua một lượt kinh Đại Bát Nhã và tổng kết thành 20 chữ, “Nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”. Tất cả pháp là bao gồm cả thế pháp và Phật pháp. Phật pháp cũng là vô sở hữu, tất cánh không bất khả đắc. Cho nên Đức Thế Tôn nói “pháp còn phải xả, huống là phi pháp”, đến Phật pháp còn phải xả, không chấp trước huống là tất cả pháp của thế gian. Buông bỏ tất cả liền trở về tự tánh và chúng được quả Phật cứu cánh viên mãn. Vô lượng công đức, vô lượng trí huệ và vô lượng tướng hảo trong tự tánh, chúng ta hoàn toàn hưởng được lợi ích. Đây là cảnh giới gì? Đây là cảnh giới của cõi thật báo. Cõi thường tịch quang không có hiện tượng, hiện cõi thật báo trang nghiêm, trở về tự tánh, trở về thường tịch quang còn có thể hiện chăng? Có thể hiện. Vì sao vậy? Vì pháp thân Bồ Tát trong cõi thật báo có cảm, chư Phật trong cõi thường tịch quang tự nhiên có ứng_ hồi ứng. Vừa hồi ứng chính là hiện tượng, không hồi ứng là không hiện tượng, nhất định hồi ứng. Hồi ứng này là hiện tượng tự nhiên. Giống như chúng ta đánh trống vậy, chúng ta vừa đánh, nó nhất định phát ra tiếng. Đánh mạnh thì kêu lớn, đánh nhẹ thì kêu nhỏ, không đánh thì không kêu, nhất định có hồi ứng.

Không sanh không diệt, không thể nói nó sanh cũng không thể nói nó diệt. Nếu nói nó sanh thì nó đã diệt, nếu nói nó diệt thì nó lại sanh. Sanh diệt không trú! Đây là chân tướng thật sự.

“Hựu Viên Giác Kinh viết, nhất thiết chúng sanh vô sanh trung, vọng kiến sanh diệt, thị cố thuyết danh luân chuyển sanh tử”.

Đây là lời chân thật. Nhất thiết chúng sanh là nói chúng sanh trong lục đạo, thực sự là vô sanh. Trong vô sanh họ đã nhìn sai, cho rằng có sanh diệt, họ đã nhìn thấy sanh diệt. Nhìn thấy hoa nở, qua mấy ngày đã thấy hoa tàn, hoa này có sanh diệt. Thấy người này ra đời, sau mấy mươi năm nhìn thấy người này già chết, có sanh có diệt. Động vật thì sanh lão bệnh tử, thực vật thì sanh trụ dị diệt, khoáng vật như sơn hà đại địa có thành trụ hoại không. Những hiện tượng này người thế gian đều nhìn thấy, đều cho rằng là thật. Nếu thật sự có thể lãnh hội được nhất niệm mà Bồ Tát Di Lặc nói, khi nghe thêm những lời Phật dạy “đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận”, chúng ta mới hiểu được thật sự không có sanh diệt.

Chúng ta nhìn thấy sanh diệt là vọng kiến, không phải chân kiến. Chỉ có đại Bồ Tát mới có chân kiến, còn phàm phu toàn là vọng kiến.

“*Cổ thuyết danh chuyên luân sanh tử*”. Cổ thuyết danh, đây không phải lời thật. Có sanh tử luân hồi chăng? Không có, giống như nằm mộng vậy. Trong kinh Bát Nhã Đức Phật đưa ra ví dụ, như mộng huyễn bào ảnh, đây là chân tướng. Chân tướng không ai biết, hiện nay chúng ta đọc những kinh văn này, thấy báo cáo của các nhà lượng tử học. Họ đều đã chứng minh những lời Phật nói trong kinh, khiến chúng ta càng rõ ràng hơn, đối với vấn đề này không còn hoài nghi nữa. Khiến chúng ta tin rằng những gì trong kinh Phật nói là khoa học tối cao.

“*Hựu thanh lương vân, nhược văn vô sanh giả, tiện tri nhất thiết chư pháp giai tất không tịch vô sanh vô diệt*”.

Nghe Phật nói vô sanh, ngài nói câu này, họ liền biết tất cả các pháp đều là không tịch, không sanh không diệt. Đây là ai? Là người như thế nào? Là pháp thân Bồ Tát. Chư Phật Bồ Tát trong mười pháp giới không được, nhưng Chư Phật Bồ Tát trong mười pháp giới nghe Phật nói lời này không hoài nghi, có thể tiếp nhận, có thể tin tưởng tuy công phu chính mình chưa đủ. Cũng có nghĩa là tâm thanh tịnh của chính mình chưa đạt đến trình độ này, cần phải thanh tịnh hơn.

Thật sự đạt được thanh tịnh tịch diệt Bồ Tát có thể thấy được, pháp thân Bồ Tát đều đã nhìn thấy. Trong Kinh Hoa Nghiêm có thể nói là trên sơ trú đã nhập vào cảnh giới này, đây là thật hoàn toàn không phải giả. Chúng ta ngày nay có thể tin rằng, có thể nói câu này, không phải chúng ta chứng được. Chúng ta thấy báo cáo của các giới khoa học hiện đại, các nhà khoa học chứng minh, họ đã nhìn thấy, nhìn thấy vật chất rốt cuộc là gì? Họ nói bản chất của vật chất là ý niệm, chính là ý niệm của chúng ta, là ý niệm tích lũy sinh ra huyễn tướng. Điều này với những gì Bồ Tát Di Lặc nói cùng một đạo lý. Nhưng huyễn tướng này, ý thức huyễn tướng này rốt cuộc là từ đâu mà có? Thì họ lại nói là bịa đặt.

Phật pháp nói đó là từ trong tự tánh sanh ra. Giới khoa học không nhìn thấy tự tánh, tự tánh vĩnh viễn không nhìn thấy được, vì sao vậy? Tự tánh không thể dụng sáu thức để nhìn vì nó không phải là hiện tượng. Nó không phải hiện tượng vật chất cũng không phải hiện tượng tinh thần cũng không phải hiện tượng tự nhiên nên không thấy được, khoa học cũng không thể đo lường được. Như thế nào mới thấy được? Buông bỏ vọng niệm phân biệt chấp trước là thấy được, chân tướng được phơi bày. Phật pháp là khoa học tối cao, là cảnh giới và thành tựu cao nhất của khoa học. Chúng ta nên đem những thông tin này nói với các nhà khoa học. Chỉ cần họ buông bỏ thì sẽ hiểu được ngay.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Hết tập 368